



H1(G2)/AC1(G2)

SINGLE-PHASE **HYBRID/AC INVERTER**



Điện Áp Cao

Bao gồm pin điện áp cao nhằm đạt hiệu suất sạc-xả vòng kín tối đa.



Dễ Dàng Lắp Đặt

Cấu hình linh hoạt, thiết lập plug-and-play, tích hợp sẵn bảo vệ cầu chì.



IP65 Định Mức

Được thiết kế bền bỉ với độ linh hoạt tối đa, phù hợp cho lắp đặt ngoài trời.



Giám Sát Từ Xa

Giám sát hệ thống từ xa thông qua ứng dụng trên điện thoại thông minh hoặc cổng web.



Giám sát hệ thống nâng cao
Với **FoxCloud V2.0**

Tinh gọn – Mạnh mẽ – Linh hoạt

Khai thác sức mạnh của năng lượng mặt trời cả ngày lẫn đêm với dòng biến tần Hybrid & AC đột phá của Fox ESS. Được trang bị đầy đủ các tính năng tiên tiến và tương thích hoàn toàn với dải pin lưu trữ điện áp cao do Fox ESS phát triển, dòng Hybrid của Fox ESS mang đến giải pháp linh hoạt và hiệu quả cho nhiều ứng dụng năng lượng.

3kW ...>> 6kW



Để biết thêm thông tin về dải sản phẩm Fox ESS, vui lòng truy cập:
www.fox-ess.com



Lên tới
6kW
charge/
discharge

Thông số kỹ thuật

MODEL	H1-3.0-E-G2 AC1-3.0-E-G2	H1-3.7-E-G2 AC1-3.7-E-G2	H1-4.6-E-G2 AC1-4.6-E-G2	H1-5.0-E-G2 AC1-5.0-E-G2	H1-6.0-E-G2 AC1-6.0-E-G2
Đầu vào PV (chỉ áp dụng cho Hybrid)					
Công suất mảng PV tối đa [Wp]	6000	7400	9200	10000	12000
Công suất đầu vào DC tối đa (PV1 + PV2) [W]	6000	7400	9200	10000	12000
Công suất đầu vào MPPT tối đa (mỗi MPPT) [W]			6000		
Điện áp đầu vào tối đa [V]			600		
Điện áp đầu vào khởi động [V]			75		
Điện áp đầu vào định mức [V]			360		
Dải điện áp vận hành MPPT [V]			80 ~ 550		
Dòng đầu vào tối đa [A]			16/16		
Dòng ngắn mạch tối đa [A]			20/20		
Số lượng bộ theo dõi MPPT			2		
Số chuỗi trên mỗi MPPT			1		
Kết nối pin					
Loại pin			Lithium Battery (LFP)		
Điện áp pin [V]			80 ~ 480		
Dòng sạc / xả tối đa [A]			40		
Giao diện truyền thông			CAN(Giao tiếp với biến tần, nâng cấp BMS)		
Đầu vào và đầu ra AC (lưới điện)					
Công suất AC đầu vào tối đa [VA]	6000	7680	9200	10000	12000
Dòng AC đầu vào tối đa (mỗi pha) [A]	27.3	34.9	41.8	45.5	54.5
Công suất đầu ra định mức [W]	3000	3680	4600	5000	6000
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa [VA]	3300	4048/3680 ¹	5060	5500	6600
Dòng đầu ra định mức (mỗi pha) [A]	13.6	16.7/16.0 ¹	20.9	22.7	27.3
Dòng đầu ra định mức (mỗi pha) [A] (áp dụng cho Úc)	13.0	16.0	20.0	21.7	26.1
Dòng đầu ra tối đa [A]	15.0	18.4	23.0	25.0	30.0
Điện áp lưới định mức [V]			220/230/240		
Tần số lưới định mức [Hz]			50/60		
Hệ số công suất			1 (Có thể điều chỉnh từ 0,8 sớm pha đến 0,8 trễ pha)		
THDi [%]			<3 @rated power		
Đầu ra EPS (khi có pin)					
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa [VA]	3000	3680	4600	5000	6000
Công suất biểu kiến đầu ra đỉnh (trong 60 giây) [VA]	3600	4400	5500	6000	7200
Dòng đầu ra tối đa (mỗi pha) [A]	13.6	16.7	20.9	22.7	27.3
Điện áp đầu ra định mức [V]			220/230/240		
Tần số đầu ra định mức [Hz]			50/60		
Hệ số công suất			1 (Có thể điều chỉnh từ 0,8 sớm pha đến 0,8 trễ pha)		
THDv (Linear Load) [%]			<2 @rated power		
Vận hành song song [PCS]			10		
Thời gian chuyển mạch [ms]			<10		
Hiệu suất					
Hiệu suất châu Âu [%]	95.26	95.70	96.23	96.30	96.33
Hiệu suất tối đa [%]	97.01	97.08	97.04	97.08	97.08
Hiệu suất sạc pin tối đa (từ PV sang pin) (tại tải đầy)[%]			98.50		
Hiệu suất xả pin tối đa (từ pin sang AC) (tại tải đầy) [%]			97.00		
Bảo vệ					
Giám sát cách điện			Có		
Giám sát dòng rò			Có		
Bảo vệ đảo cực DC			Có		
Bảo vệ chống phát điện độc lập			Có		
Bảo vệ ngắn mạch AC			Có		
Bảo vệ quá dòng / quá điện áp AC			Có		
Công tắc DC			Có		
Chức năng đánh thức pin			Có		
Thiết bị chống sét lan truyền			DC: Type II /AC: Type III		
Bảo vệ chống hồ quang			Tùy chọn		
Dữ liệu chung					
Kích thước (W*H*D) [mm]			434*418*185		
Khối lượng [kg]			22		
Hình thức lắp đặt			Gắn tường		
Cấu trúc			Không cách ly		
Phương pháp làm mát			Tự nhiên		
Mức phát ồn [dB]			35		
Độ cao vận hành tối đa [m]			2000		
Dải nhiệt độ vận hành [°C]			-25 ~ 60		
Độ ẩm (không ngưng tụ)[%]			0 ~ 100		
Cấp bảo vệ IP			IP65		
Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ [W]			< 15		
Mô-đun giám sát			WiFi, LAN(Tùy chọn) , 4G(Tùy chọn)		
Truyền thông / giao tiếp			RS485, DRM, Ripple Control, USB, CAN, SG Ready		
Màn hình hiển thị			LCD, App, Website		
Tuân thủ tiêu chuẩn (có thể cung cấp thêm theo yêu cầu)					
An toàn			EN 62109-1, EN 62109-2		
Quy định lưới điện			G98, G99, EN50549, AS / NZS 4777.2		

* Các đặc tính kỹ thuật chi tiết hơn có thể được cung cấp theo yêu cầu và tùy chỉnh.
1. 3680 for G98.